

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2021/DS-ST  
Ngày: 30 / 9 / 2021  
“V/v tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Thụy;
2. Ông Trịnh Văn Bé.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 402/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K (sau đây được viết tắt là Ngân hàng K); địa chỉ: số A, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh K.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Mai Quốc B, chức vụ: Phó Phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Chi nhánh A; địa chỉ: số B, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định số 1575/QĐ-NHKL ngày 05/10/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng K; Giấy ủy quyền số 24/UQ-CNAG ngày 10/5/2021 của Giám đốc Ngân hàng K – chi nhánh A); vắng mặt.

*Bị đơn:*

- Bà Sứ Thị Thu Q, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Chi nhánh An Giang (sau đây được viết tắt là Chi nhánh Ngân hàng) và bà Sứ Thị Thu Q, ông Lê Văn S đã ký kết hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 1626/18/HĐHM/1200-7416 ngày 28/12/2018, hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 1626/18/HĐHM/1200-7416-01 ngày 20/12/2019, hợp đồng tín dụng từng lần số 1596/19/HĐTD/1200-8333 ngày 20/12/2019. Theo đó, Chi nhánh Ngân hàng cho bà Q, ông S vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 11,5%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất lãi chậm trả 10%/năm; hình thức thanh toán trả nợ gốc cuối kỳ, trả lãi hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay, bị đơn đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1626/18/HĐTC-BDS/1200-7416 giữa Chi nhánh Ngân hàng với bà Q, ông S, được Phòng Công chứng L chứng nhận ngày 28/12/2018 đối với quyền sử dụng đất diện tích 182m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01565eB ngày 25/9/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Phước S, sinh năm 1961, bà Sứ Thị Thu Q (đã được Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Chợ Mới xác nhận người sử dụng đất thay đổi tên ông Lê Phước S, sinh năm 1961 thành tên Lê Văn S, sinh năm 1969).

Chi nhánh Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 150.000.000 đồng cho bà Q, ông S vào ngày 20/12/2019 theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1596/19/KUNN ngày 20/12/2019. Sau khi vay, ông S, bà Q trả lãi đến ngày 20/4/2020 với số tiền 6.627.208 đồng rồi ngưng không tiếp tục trả nợ lãi, nợ vốn cho Ngân hàng. Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông S, bà Q không thực hiện.

Tính đến ngày 19/4/2020, bà Q, ông S đã trả được cho Ngân hàng nợ lãi 6.627.208 đồng; còn nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 12.985.479 đồng, nợ lãi quá hạn 9.542.466 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 807.943 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà Q, ông S thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền tạm tính đến hết ngày 19/4/2021 là 173.335.888 đồng; trong đó, nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 12.985.479 đồng, nợ lãi quá hạn 9.542.466 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 807.943 đồng; buộc bà Q, ông S phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1596/19/HĐTD/1200-8333 ngày 20/12/2019 cho

đến khi trả hết nợ; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1626/18/HĐTC-BĐS/1200-7416 ngày 28/12/2018 để đảm bảo thi hành án.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 1626/18/HĐHM/1200-7416 ngày 28/12/2018, hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 1626/18/HĐHM/1200-7416-01 ngày 20/12/2019, hợp đồng tín dụng từng lần số 1596/19/HĐTD/1200-8333 ngày 20/12/2019, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1626/18/HĐTC-BĐS/1200-7416 ngày 28/12/2018, giữa Chi nhánh Ngân hàng với ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q (bản sao); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01565eB ngày 25/9/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp (bản sao); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02135 ngày 14/7/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q (bản sao); giấy đề nghị vay vốn ngày 17/12/2019 của ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q (bản sao) và các giấy tờ khác có liên quan.

- Bị đơn bà Sứ Thị Thu Q, ông Lê Văn S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Bên cạnh đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giao nộp văn bản với nội dung yêu cầu ông S, bà Q trả cho Ngân hàng K số nợ tạm tính đến hết ngày 30/9/2021 là 186.960.715 đồng; trong đó, nợ gốc 150.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 12.985.497 đồng, lãi quá hạn 22.583.836 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.391.400 đồng; tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 01/10/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từng lần số 1596/19/HĐTD/1200-8333 ngày 20/12/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1626/18/HĐTC-BĐS/1200-7416 ngày 28/12/2018 để đảm bảo thi hành án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông S, bà Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và Ngân hàng đã giải ngân số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 20/12/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông

S, bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S, bà Q trả nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Về biện pháp bảo đảm, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 28/12/2018 giữa Ngân hàng và ông S, bà Q được công chứng, đăng ký theo quy định pháp luật nên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo quy định pháp luật dân sự về giao dịch bảo đảm.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 56, 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông S, bà Q; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; buộc ông S, bà Q trả cho Ngân hàng nợ gốc 150.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.985.497 đồng, lãi quá hạn 22.583.836 đồng, phạt chậm trả lãi 1.391.400 đồng và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc từ ngày 01/10/2021 cho đến khi bà Q, ông S thanh toán hết khoản nợ; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1626/18/HĐTC-BDS/1200-7416 ngày 28/12/2018 để đảm bảo thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *\* Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q trả nợ vay. Ông S, bà Q đang cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới nên yêu cầu kiện của Ngân hàng K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông S, bà Q đều vắng mặt. Trong đó, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông S, bà Q đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông S, bà Q theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *\* Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 1626/18/HĐHM/1200-7416 ngày 28/12/2018, hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 1626/18/HĐHM/1200-7416-01 ngày 20/12/2019, hợp đồng tín dụng từng lần số 1596/19/HĐTD/1200-8333 ngày 20/12/2019, giữa Ngân hàng K - Chi nhánh A với ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm

2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở các hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông S, bà Q được Ngân hàng K giải ngân số tiền 150.000.000.000 đồng thông qua giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1596/19/KUNN ngày 20/12/2019. Sau khi vay, ông S, bà Q trả lãi đến ngày 20/4/2020 với số tiền 6.627.208 đồng rồi ngưng không tiếp tục trả nợ lãi, nợ vốn. Cho nên, tạm tính đến hết ngày 30/9/2021, ông S, bà Q còn nợ Ngân hàng K vốn gốc 150.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.985.497 đồng, lãi quá hạn 22.583.836 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.391.400 đồng.

[4] Về biện pháp bảo đảm:

Để đảm bảo khoản vay, ông S, bà Q đã thế chấp cho Chi nhánh Ngân hàng quyền sử dụng đất diện tích 182m<sup>2</sup>, thửa đất số 312, tờ bản đồ số 54, tọa lạc ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01565eB ngày 25/9/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1626/18/HĐTC-BDS/1200-7416, được Văn phòng Công chứng L chứng nhận ngày 28/12/2018 và được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh C ngày 28/12/2018. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do ông S, bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu ông S, bà Q trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết để đảm bảo thi hành án là phù hợp với nội dung hợp đồng thế chấp đã ký kết và quy định tại các Điều 293, 299, 320, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K; buộc ông S, bà Q trả cho Ngân hàng K nợ vốn 150.000.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 30/9/2021 là 36.960.715 đồng, trong đó, nợ lãi trong hạn 12.985.497 đồng, nợ lãi quá hạn 22.583.836 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.391.400 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần số 1596/19/HĐTD/1200-8333 ngày 20/12/2019, kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; duy trì việc thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1626/18/HĐTC-BDS/1200-7416 ngày 28/12/2018 giữa Ngân hàng K - Chi nhánh A với ông S, bà Q để đảm bảo việc thi hành án.

[6] Về chi phí tố tụng:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Ngân hàng K đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 400.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K được chấp nhận nên buộc ông S, bà Q hoàn trả cho Ngân hàng K 400.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông S, bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng K là 9.348.036 đồng.

Ngân hàng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí 4.333.000 đồng mà Ngân hàng K đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 293, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 157, 158, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Buộc ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K nợ vốn và lãi của khoản vay như sau:

- Tiền lãi tính đến hết ngày 30/9/2021: 36.960.715 (ba mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm mười lăm sáu) đồng, trong đó, lãi trong hạn 12.985.497 (mười hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi bảy) đồng, lãi quá hạn 22.583.836 (hai mươi hai triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi sáu) đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.391.400 (một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm) đồng;

- Vốn gốc: 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh đối với số dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần số 1596/19/HĐTD/1200-8333 ngày 20/12/2019, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Chi nhánh A và ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q, kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Duy trì việc thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1626/18/HĐTC-BDS/1200-7416 ngày 28/12/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K - chi nhánh A với ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q, được Văn phòng Công chứng L chứng nhận số 3288, quyền số 16TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2018 và được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh C ngày 28/12/2018 đối với quyền sử dụng đất diện tích 182m<sup>2</sup>, thửa đất số 312, tờ bản đồ

số 54, tọa lạc ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01565eB ngày 25/9/2009 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q, để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q phải chịu 9.348.036 (chín triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm ba mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.333.000 (bốn triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009552 ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần K, ông Lê Văn S, bà Sứ Thị Thu Q có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Thái Chí Bình**